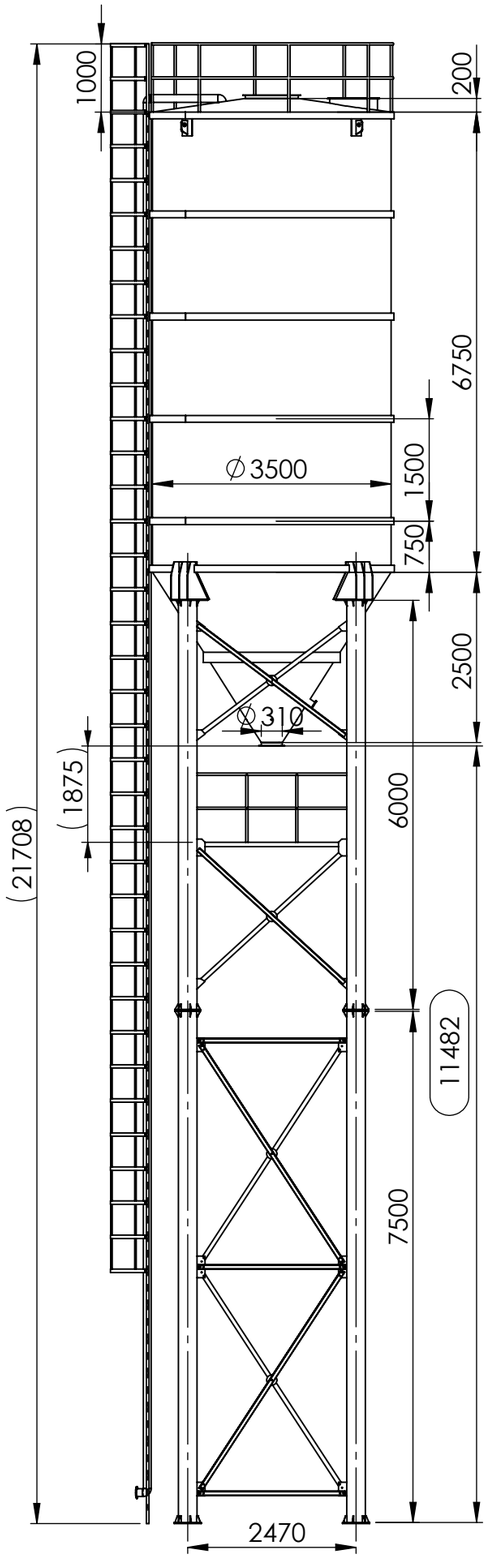
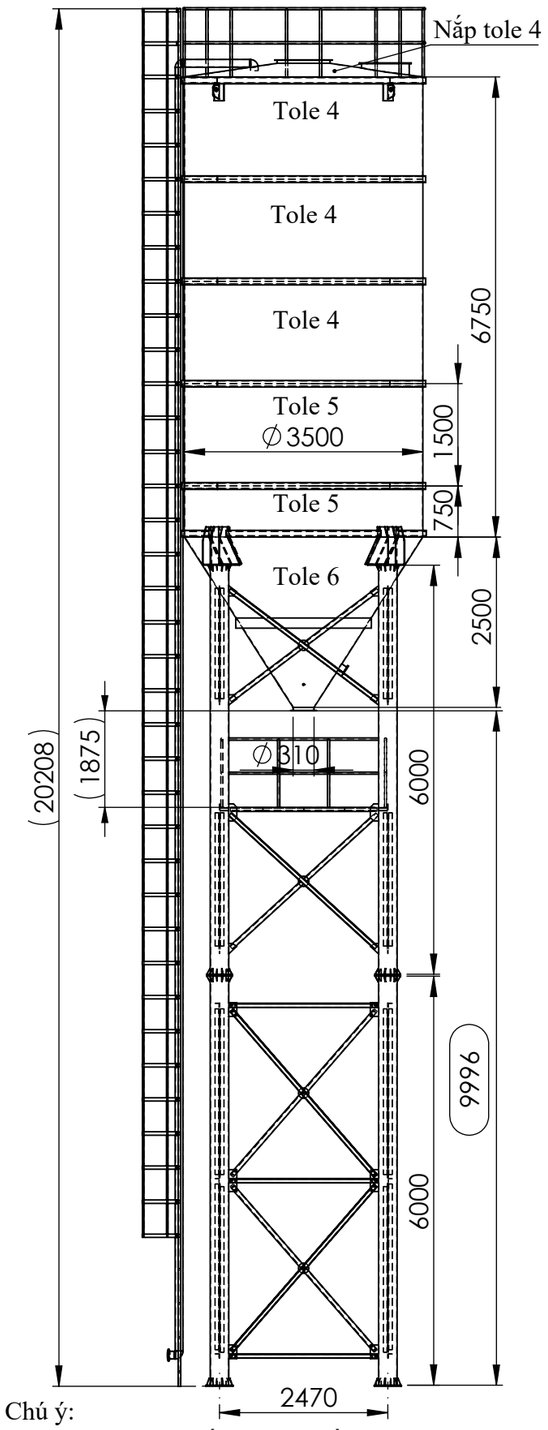
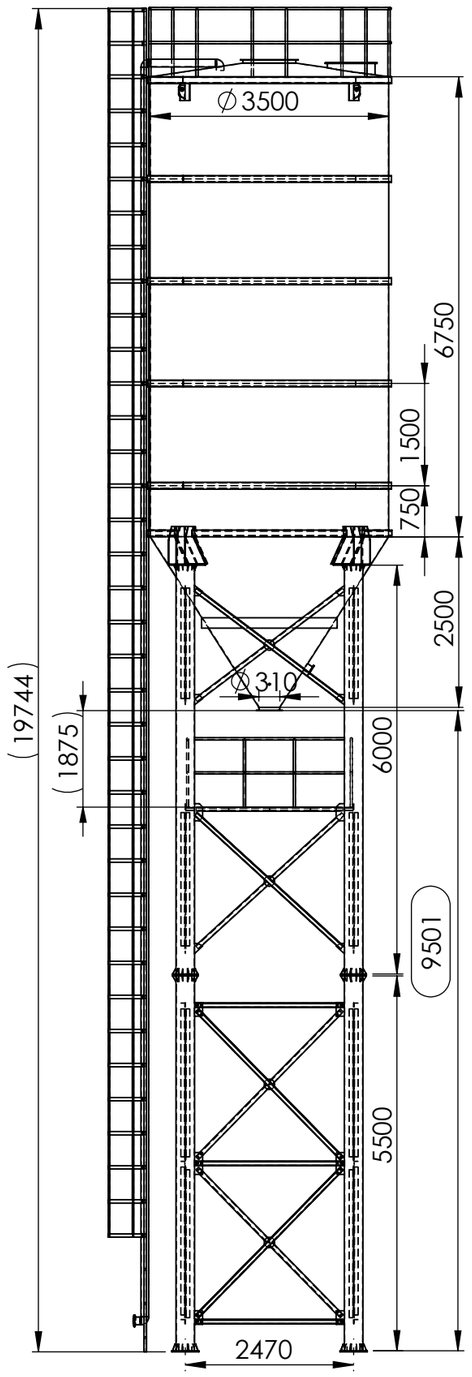
SILO - 1
SL: 1 BỘ

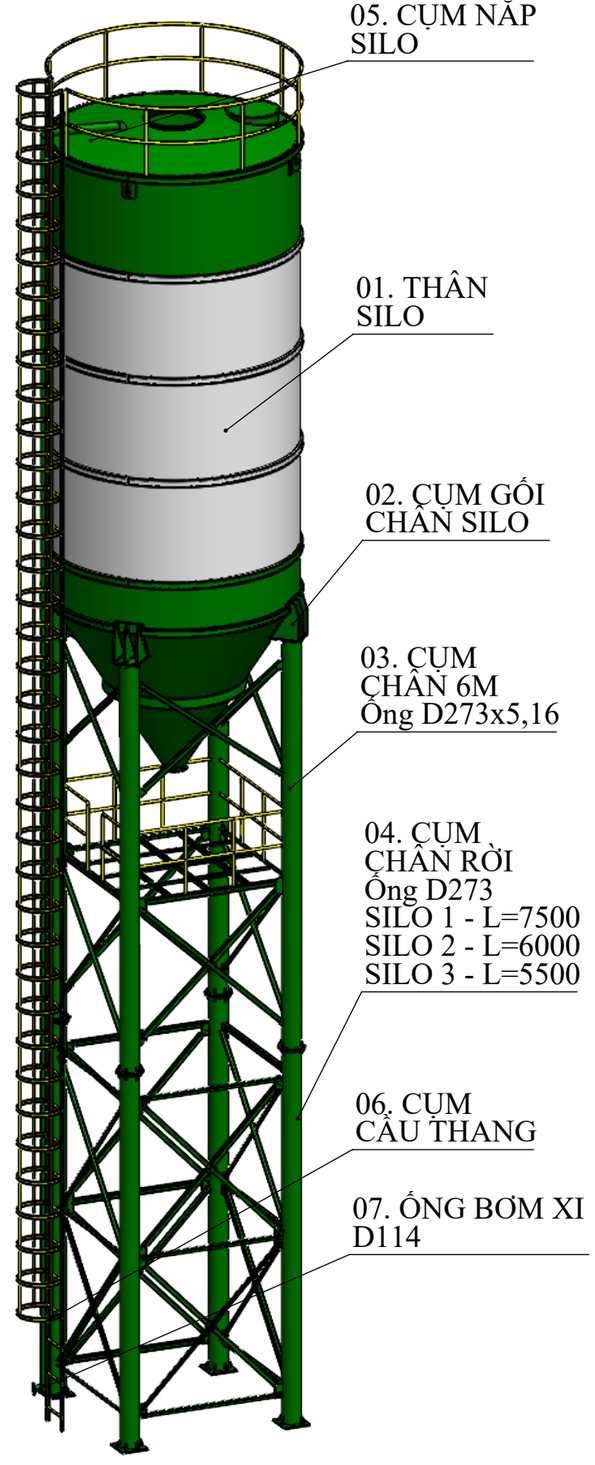


SILO - 2
SL: 1 BỘ



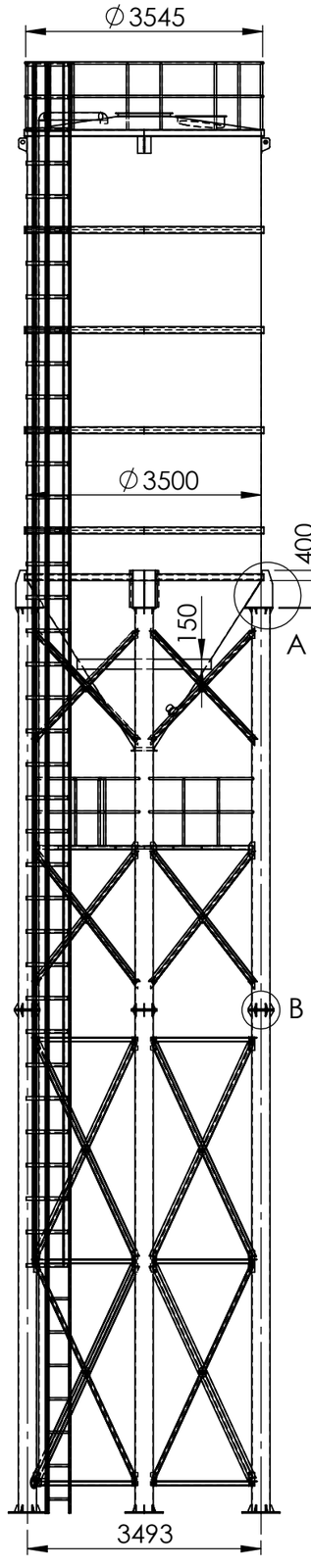
SILO - 3
SL: 1 BỘ

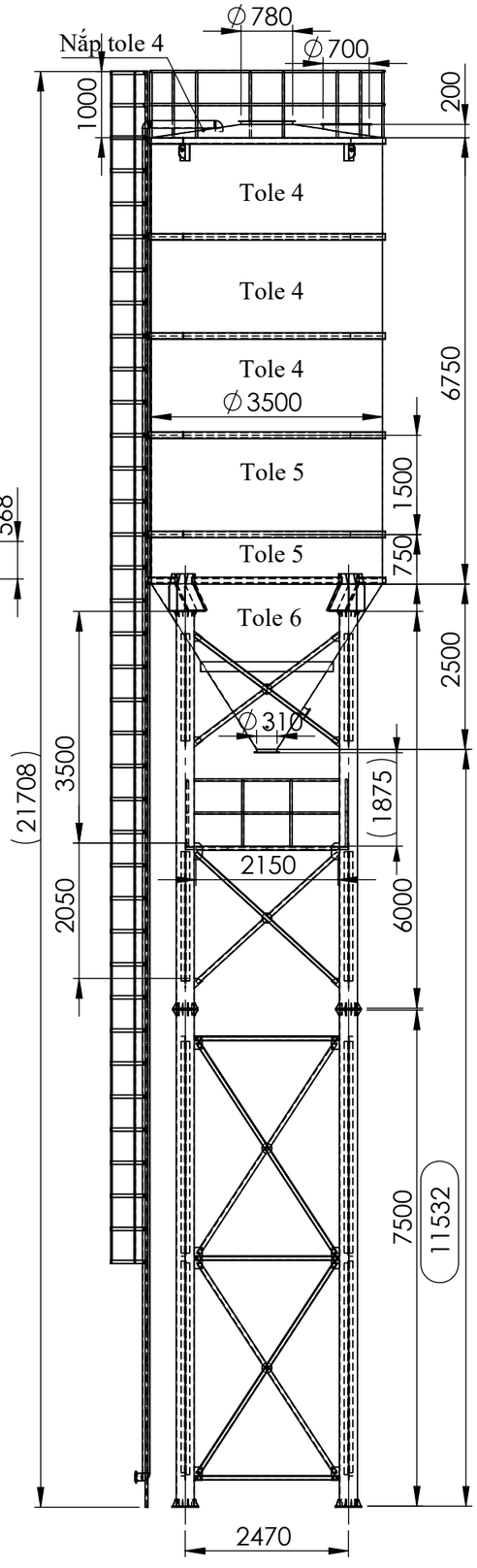


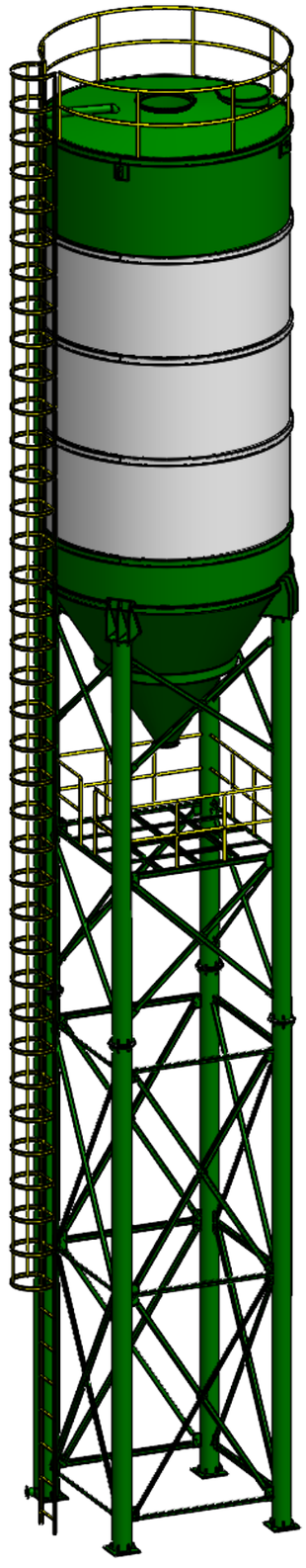


Chú ý:
- Gia công 3 silo giống nhau phần thân và cụm chân 6 mét (chung 1 bộ)
- Khác nhau phần cụm chân rời
- Bố trí thêm giảm áp

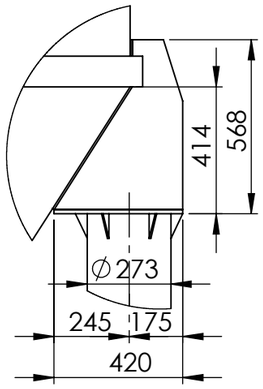
	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	DỰ ÁN:	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TRÍ NHẤT	
Th.kế	P.Q.Cường			SILO XI MĂNG 100 TẤN - D3500		
K.Tra						
KTCN				CHỦ ĐẦU TƯ:		Tờ:
KTTC						Số tờ:
Duyệt	N.P.Quốc			Vật liệu:	Khối lượng:	Số lượng: Tỷ lệ:



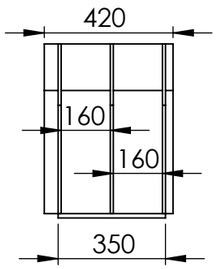




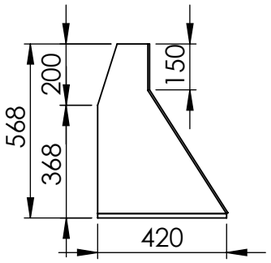
02. CỤM GỐI CHÂN SILO
SL: 4 cụm / 1 silo



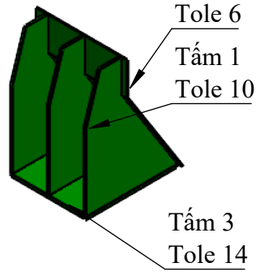
DETAIL A
CỤM GỐI ĐỠ
CHÂN SILO



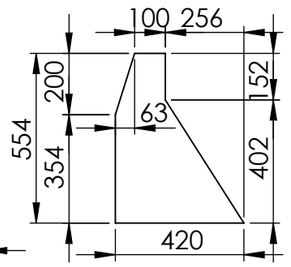
Tấm 1 - Tole 10
SL: 3 tấm / 1 cụm

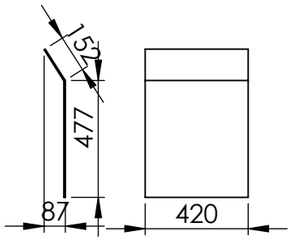


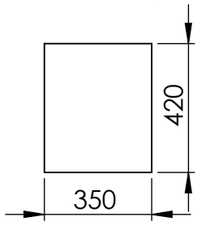
Tấm 2 - Tole 6
SL: 1 tấm / 1 cụm

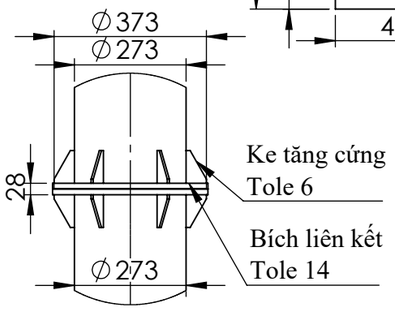


Tấm 3 - Tole 14
SL: 1 tấm / 1 cụm



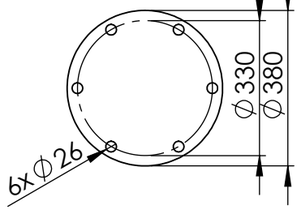




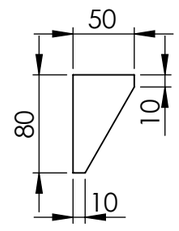


DETAIL B
BÍCH LIÊN KẾT
2 CỤM CHÂN

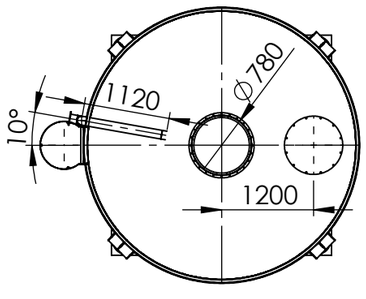
Bích liên kết - Tole 14
SL: 8 tấm / 1 silo



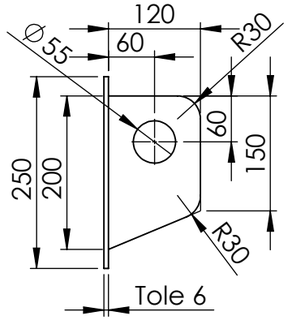
Ke tăng cứng - Tole 6
SL:96 pcs / 1 silo

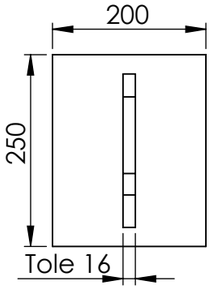


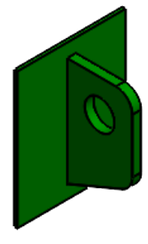
BÁT MÓC CẨU - Tole 16
SL: 4 cụm / 1 silo



BỐ TRÍ NẮP SILO

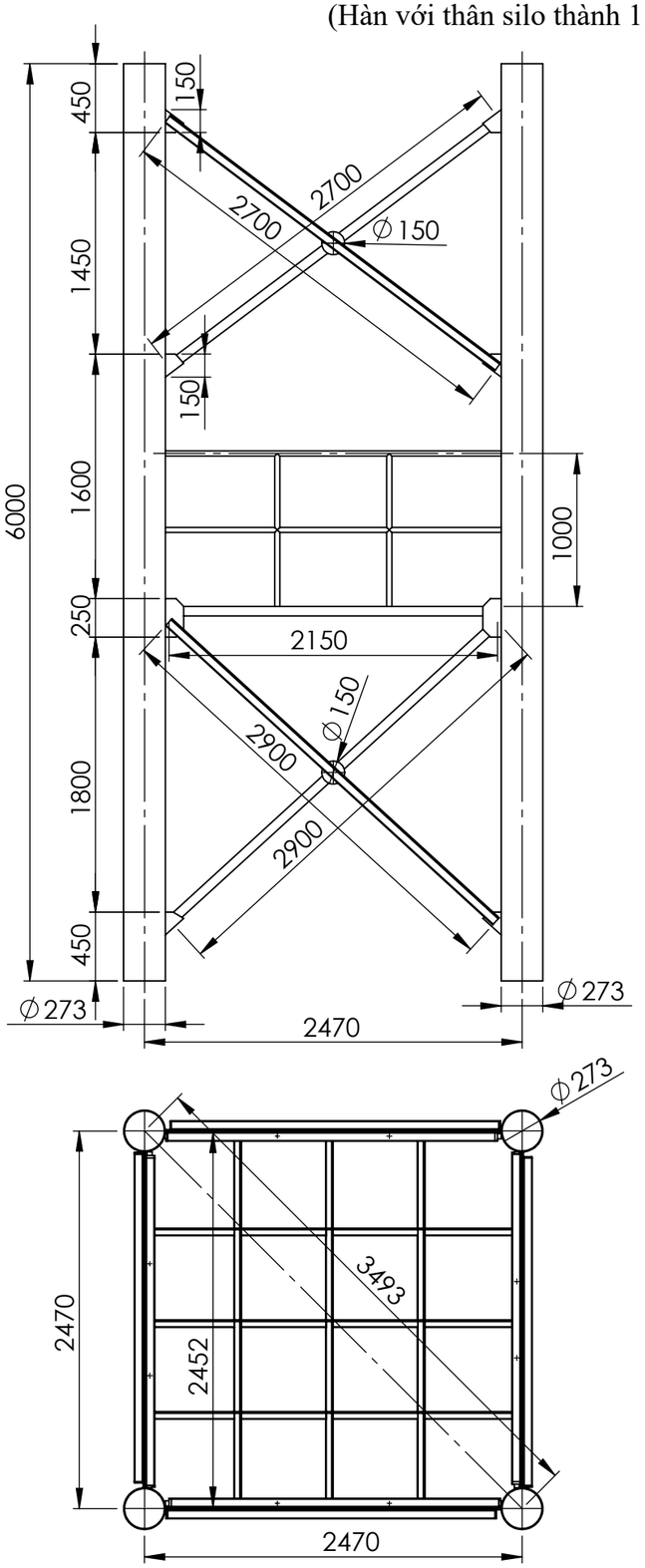


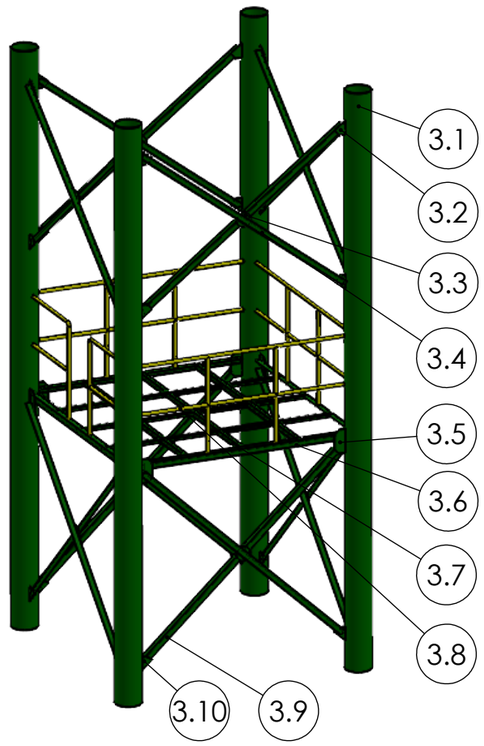




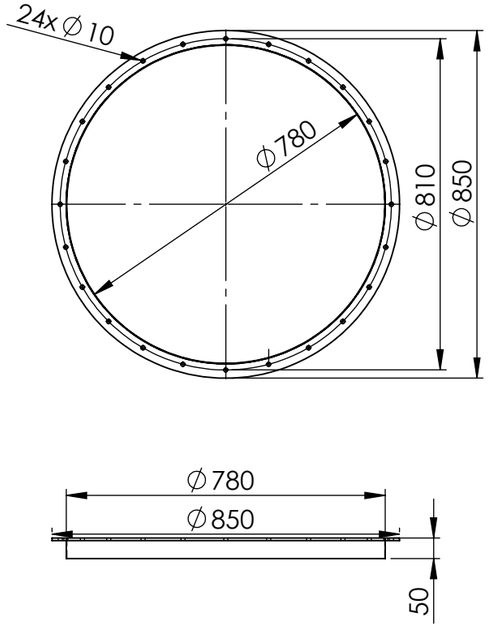
	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	DỰ ÁN:	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TRÍ NHẤT	
Th.kế	P.Q.Cường			SILO XI MĂNG 100 TẤN - D3500		
K.Tra						
KTCN				CHỦ ĐẦU TƯ:		Tờ:
KTTC						Số tờ:
Duyệt	N.P.Quốc			Vật liệu:	Khối lượng:	Số lượng: Tỷ lệ:

03. CỤM CHÂN 6 MÉT
SL: 1 cụm cố định / 1 silo
(Hàn với thân silo thành 1 bộ)

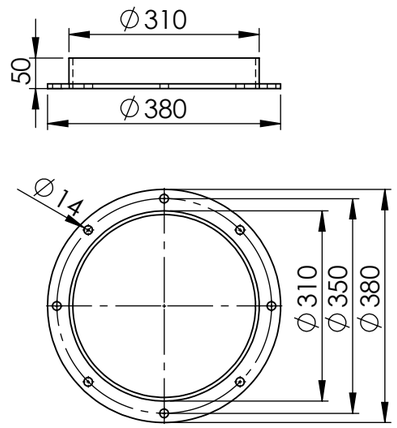




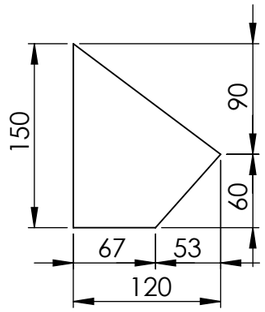
5.1 Bích bắt lọc bụi tập trung
Tole 4 - SL: 1 bộ / 1 silo



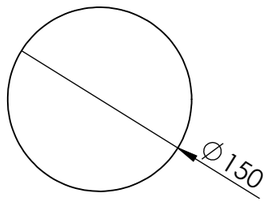
Cụm bắt vít tải
Tole 6 - SL: 1 bộ / 1 silo



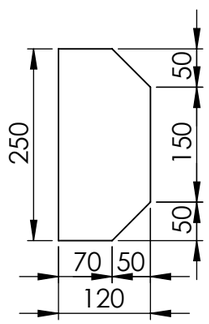
3.2 Bích giằng chéo trên
Tole 8 - SL: 16 tấm



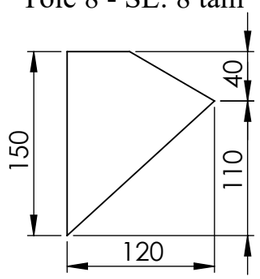
3.3 Bích liên kết giằng chéo
Tole 8 - SL: 16 tấm



3.5 Bích sàn thao tác
Tole 8 - SL: 4 tấm



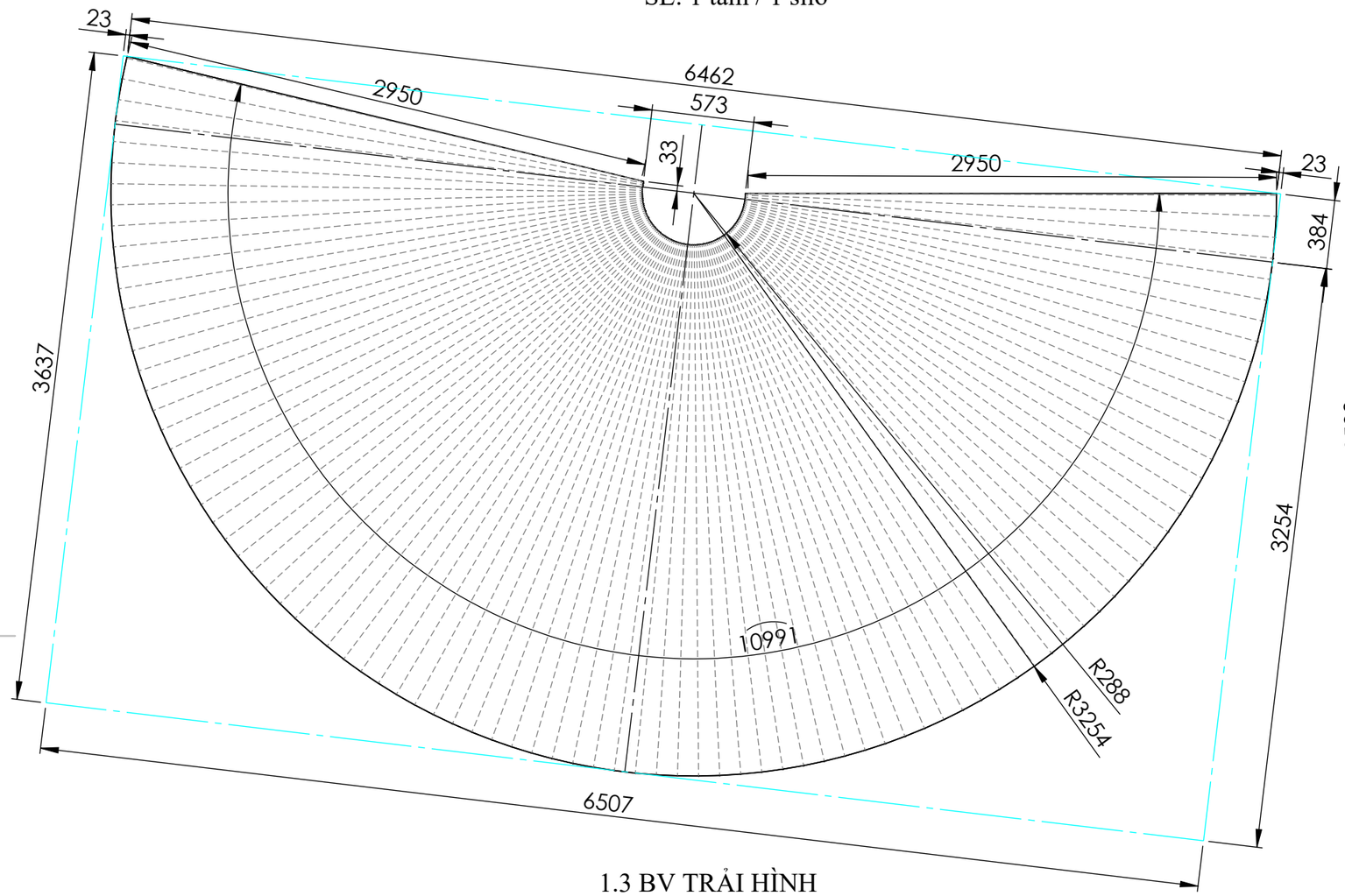
3.10 Bích giằng chéo dưới
Tole 8 - SL: 8 tấm



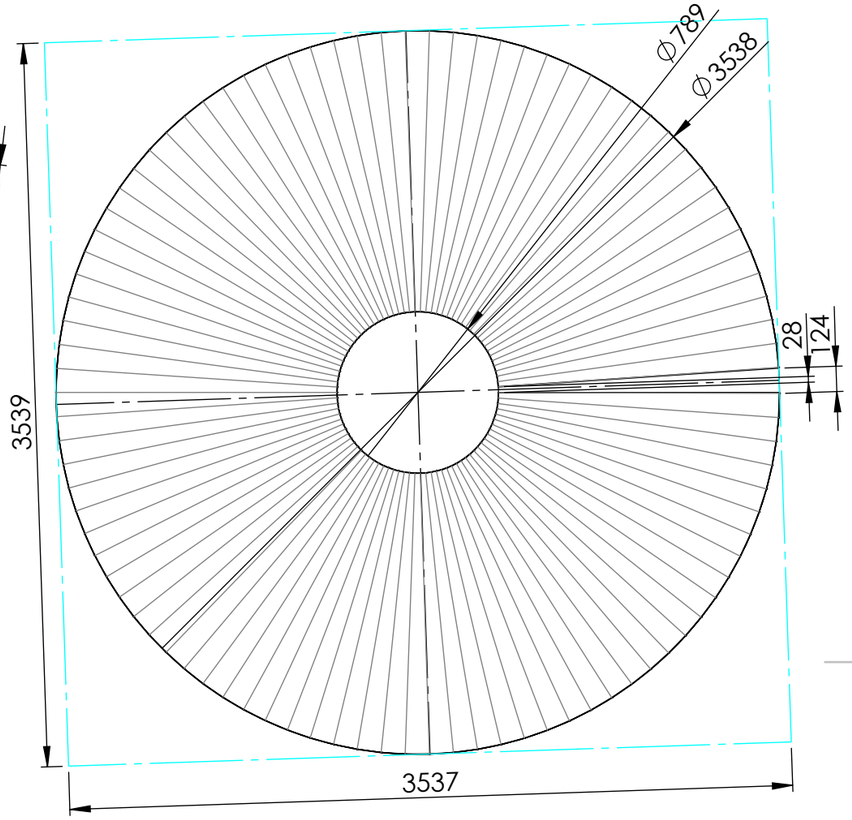
STT	Tên chi tiết	SL	Kích thước
3.10	Bích giằng chéo dưới	8	
3.9	V63 giằng chéo dưới	8	L=2900
3.8	Tay vịn Ống D34,D27	1	bộ
3.7	V50 Tăng cứng sàn	6	L=2462
3.6	V63 thanh sàn thao tác	4	L=2150
3.5	Bích sàn thao tác	4	Tole 8
3.4	V63 Giằng chéo chân	8	L=2700
3.3	Bích lk giằng chéo	8	Tole 8
3.2	Bích giằng chéo trên	16	
3.1	Chân silo D273	4	L=6000
03	Cụm chân silo cố định	1	

	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	DỰ ÁN:	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TRÍ NHẤT	
Th.kế	P.Q.Cường			SILO XI MĂNG 100 TẤN - D3500		
K.Tra						
KTCN				CHỦ ĐẦU TƯ:		Tờ:
KTTC						Số tờ:
Duyệt	N.P.Quốc			Vật liệu:	Khối lượng:	Số lượng: Tỷ lệ:

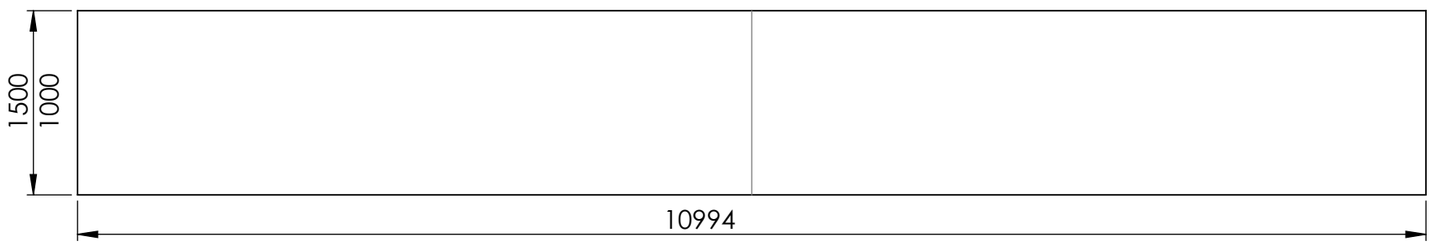
1.1 BV TRẢI HÌNH
CÔN SILO
SL: 1 tấm / 1 silo



1.2 BV TRẢI HÌNH
NẮP SILO
SL: 1 tấm / 1 silo

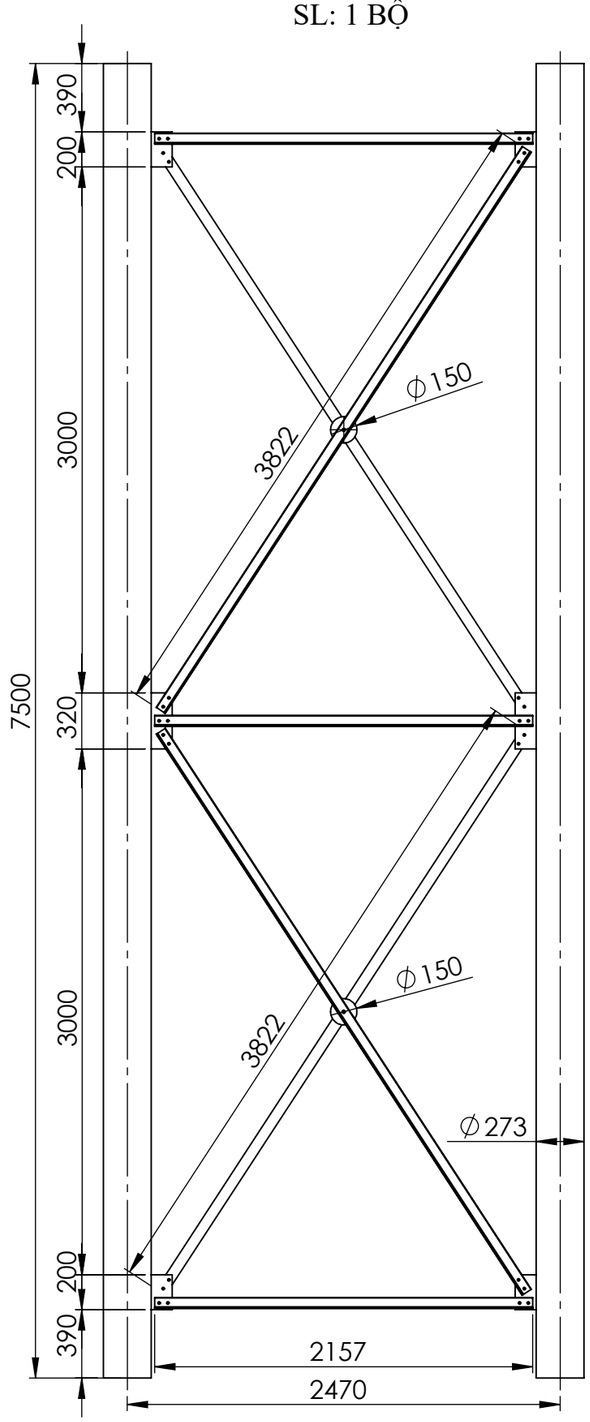


1.3 BV TRẢI HÌNH
THÂN SILO
SL: - 1500 (4 tấm / 1 silo)
- 1000 (1 tấm / 1 silo)

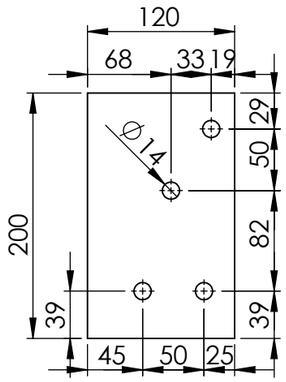


	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	DỰ ÁN:	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TRÍ NHẤT	
Th.kế	P.Q.Cường			SILO XI MĂNG 100 TẤN - D3500		
K.Tra						
KTCN				CHỦ ĐẦU TƯ:		Tờ:
KTTC						Số tờ:
Duyệt	N.P.Quốc			Vật liệu:	Khối lượng:	Số lượng: / Tỷ lệ:

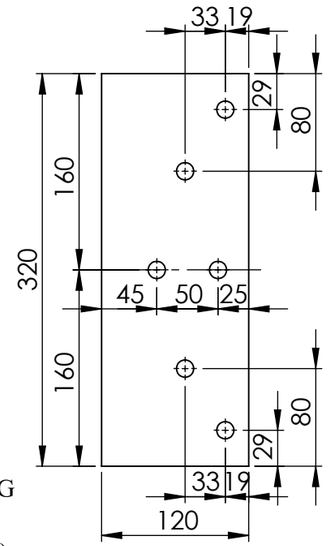
04-1. CHÂN LẮP GHÉP SILO - 1
SL: 1 BỘ



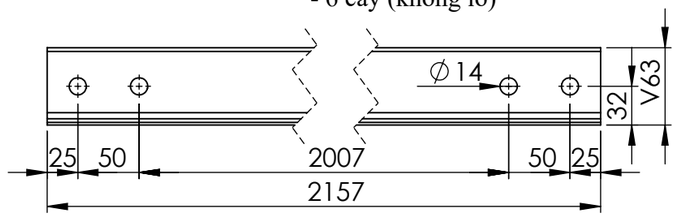
04-1.2 BÍCH LẮP GHÉP - 1
Tole 8 - SL: - 8 Tấm (có lỗ)
- 8 Tấm (không lỗ)



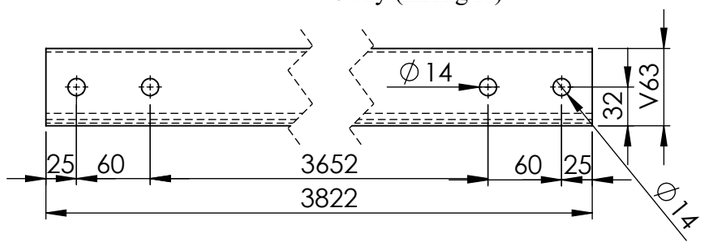
04-1.5 BÍCH LẮP GHÉP - 2
Tole 8 - SL: - 4 Tấm (có lỗ)
- 4 tấm (không lỗ)



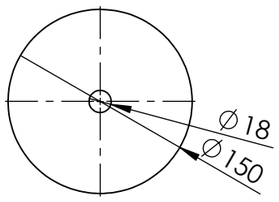
04-1.3 THANH GIẰNG NGANG
V63 - SL: - 6 cây (có lỗ)
- 6 cây (không lỗ)

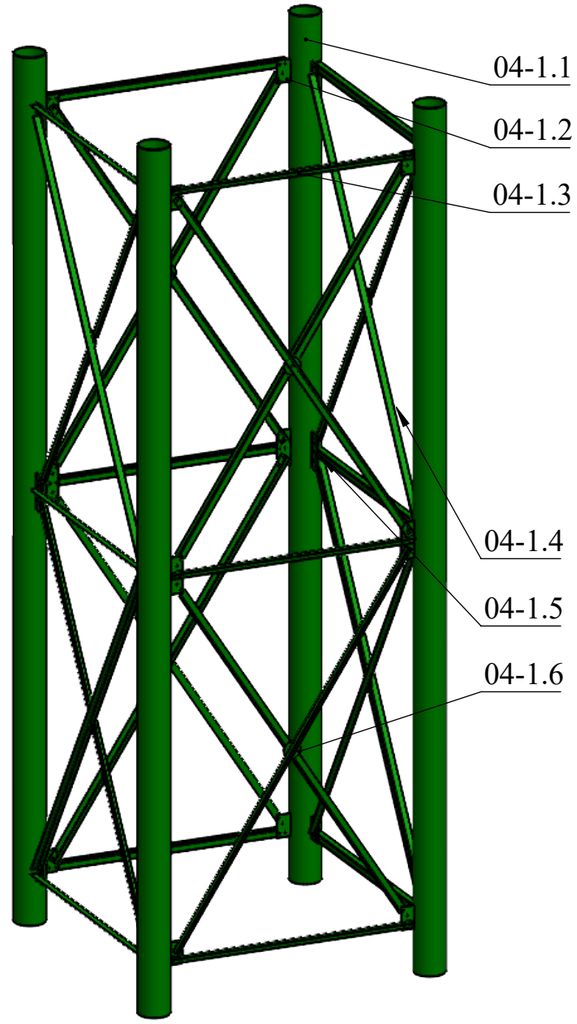


04-1.4 THANH GIẰNG CHÉO
V63 - SL: - 8 cây (có lỗ)
- 8 cây (không lỗ)



04-1.6 BÍCH LIÊN KẾT GIẰNG CHÉO
Tole 8 - SL: - 2 tấm (có lỗ)
- 2 tấm (không lỗ)

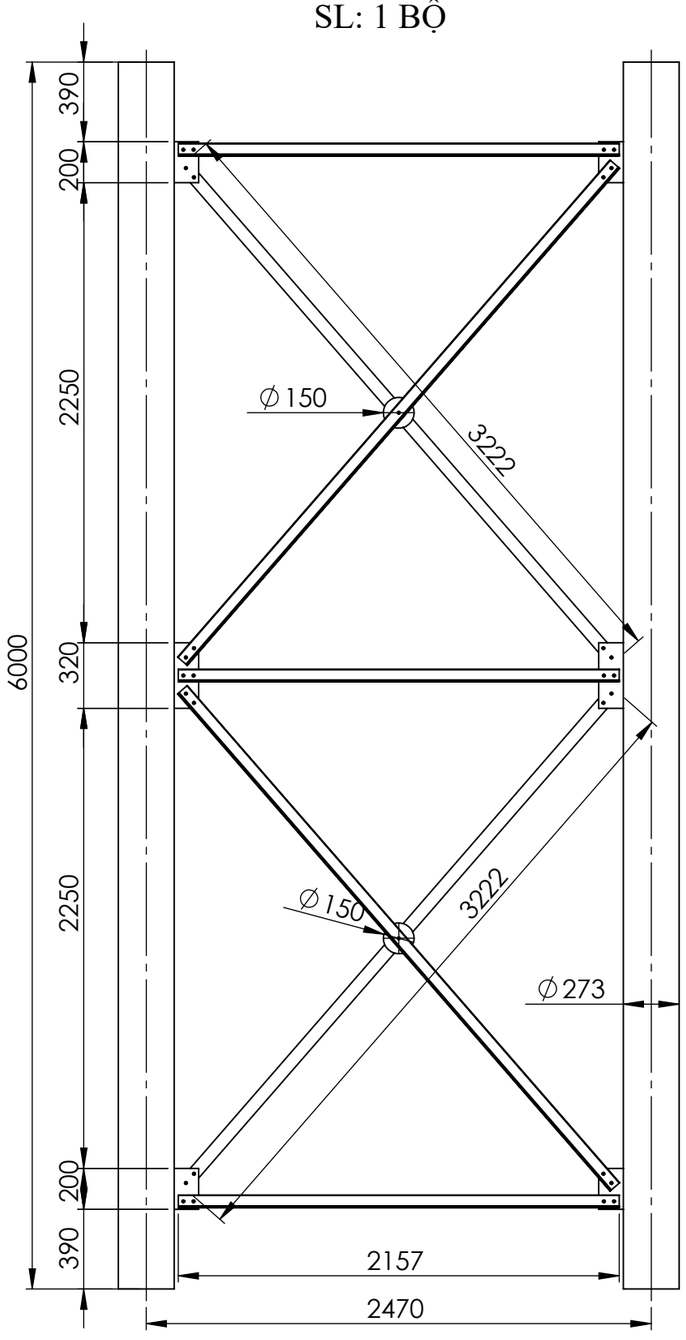




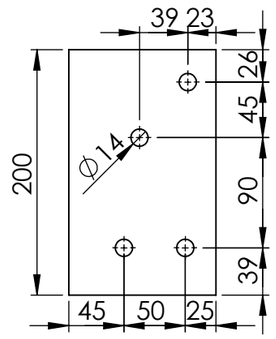
04-1.6	Bích liên kết giằng chéo	4	D=150
04-1.5	Bích lắp ghép - 2	8	320x120
04-1.4	Thanh giằng chéo V63	16	L=3822
04-1.3	Thanh giằng ngang V63	12	L=2157
04-1.2	Bích lắp ghép - 1	16	200x120
04-1.1	Chân silo D273	4	L=7500
04-1	CỤM CHÂN LẮP SILO-1	1	
STT	Tên chi tiết	SL	Kích thước

	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	DỰ ÁN:		
Th.kế	P.Q.Cường			SILO XI MĂNG 100 TẤN - D3500	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TRÍ NHẤT	
K.Tra						
KTCN				CHỦ ĐẦU TƯ:		Tờ:
KTTC						Số tờ:
Duyệt	N.P.Quốc			Vật liệu:	Khối lượng:	Số lượng: / Tỷ lệ:

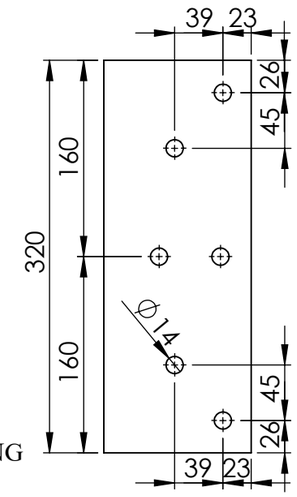
04-2.1 CHÂN LẮP GHÉP SILO - 2
SL: 1 BỘ



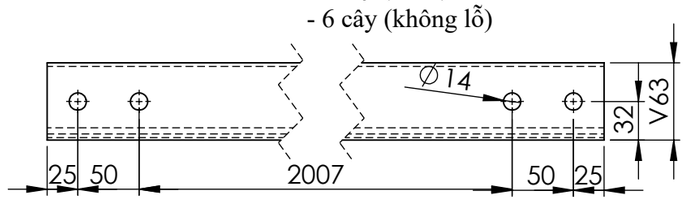
04-2.2 BÍCH LẮP GHÉP - 1
Tole 8 - SL: - 8 Tấm (có lỗ)
- 8 Tấm (không lỗ)



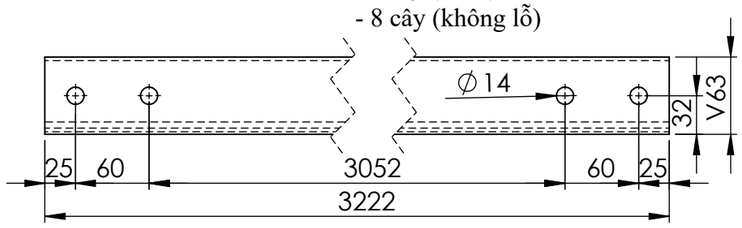
04-2.5 BÍCH LẮP GHÉP - 2
Tole 8 - SL: - 4 Tấm (có lỗ)
- 4 tấm (không lỗ)



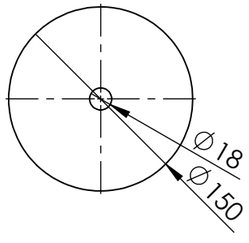
04-2.3 THANH GIẰNG NGANG
V63 - SL: - 6 cây (có lỗ)
- 6 cây (không lỗ)

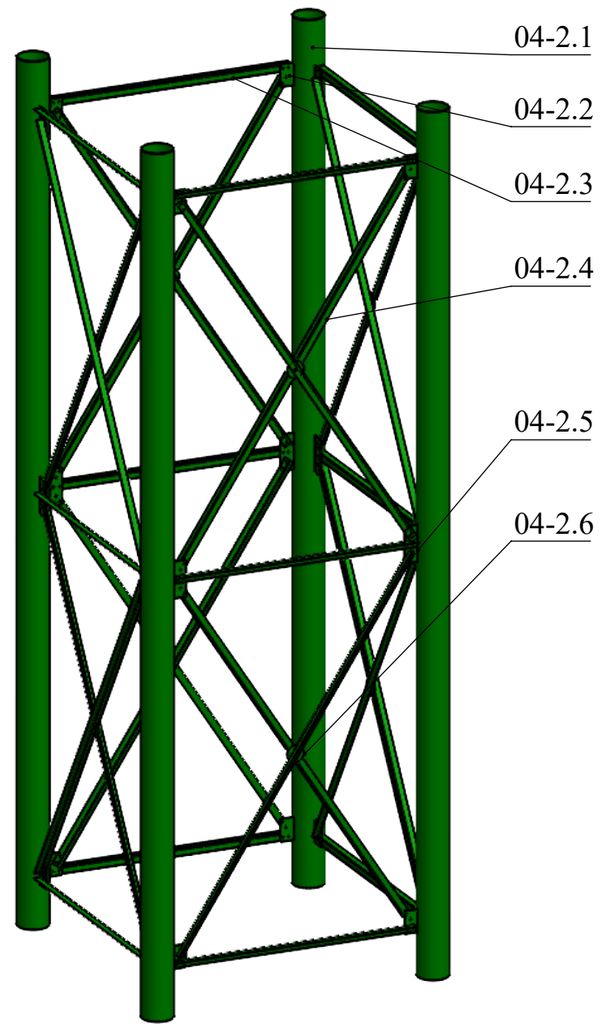


04-2.4 THANH GIẰNG CHÉO
V63 - SL: - 8 cây (có lỗ)
- 8 cây (không lỗ)



04-2.6 BÍCH LIÊN KẾT GIẰNG CHÉO
Tole 8 - SL: - 2 tấm (có lỗ)
- 2 tấm (không lỗ)

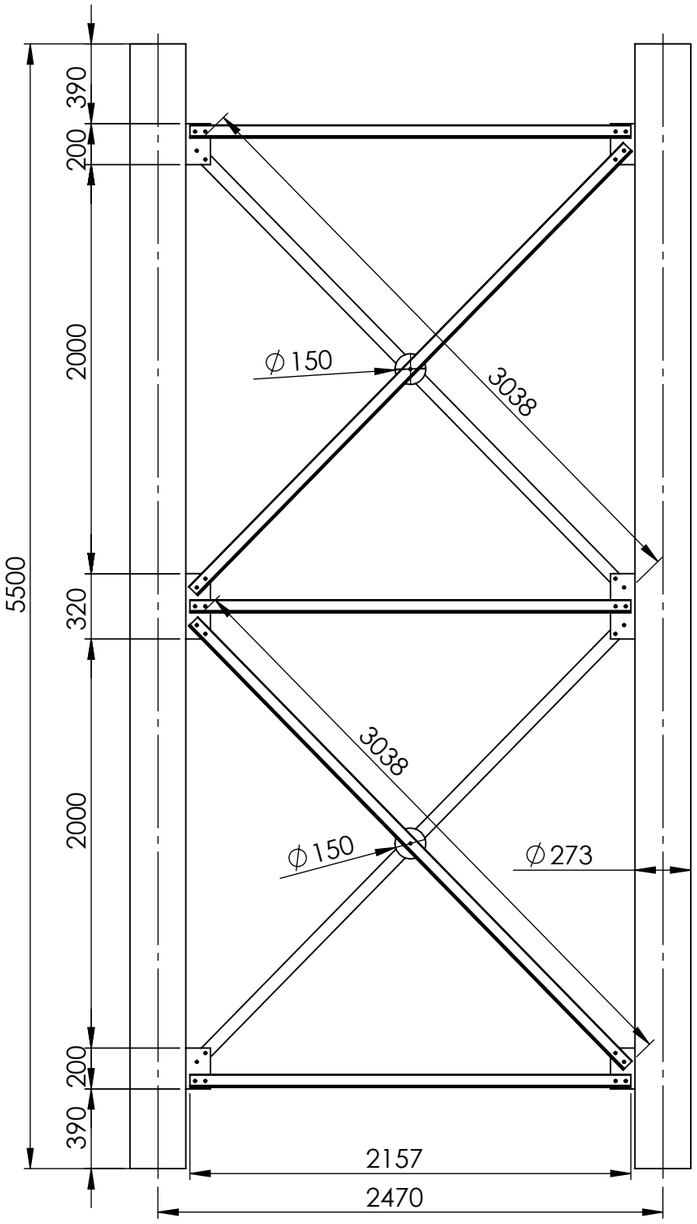




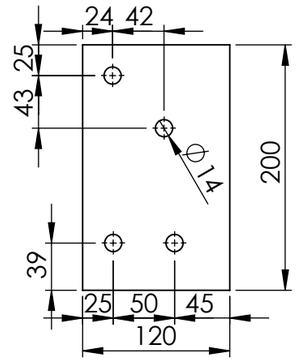
04-2.6	Bích liên kết giằng chéo	4	D=150
04-2.5	Bích lắp ghép - 2	8	320x120
04-2.4	Thanh giằng chéo V63	16	L=3222
04-2.3	Thanh giằng ngang V63	12	L=2157
04-2.2	Bích lắp ghép - 1	16	200x120
04-2.1	Chân silo D273	4	L=6000
04-2	CỤM CHÂN LẮP SILO-2	1	
STT	Tên chi tiết	SL	Kích thước

	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	DỰ ÁN:	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TRÍ NHẤT	
Th.kế	P.Q.Cường			SILO XI MĂNG 100 TẤN - D3500		
K.Tra						
KTCN				CHỦ ĐẦU TƯ:	Tờ:	
KTTC					Số tờ:	
Duyệt	N.P.Quốc			Vật liệu:	Khối lượng:	Số lượng: Tỷ lệ:

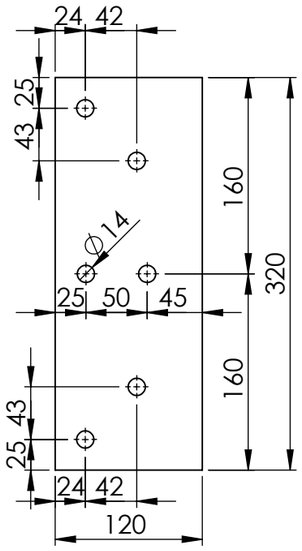
04.3 CHÂN LẮP GHÉP SILO - 3
SL: 1 BỘ



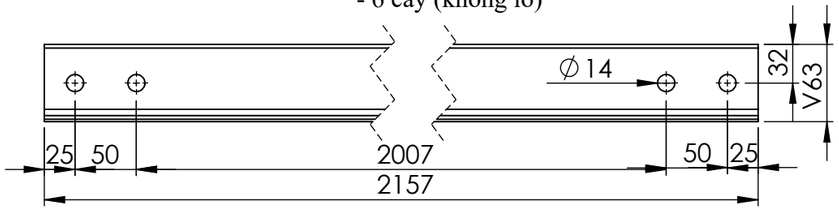
04-3.2 BÍCH LẮP GHÉP - 1
Tole 8 - SL: - 8 Tấm (có lỗ)
- 8 Tấm (không lỗ)



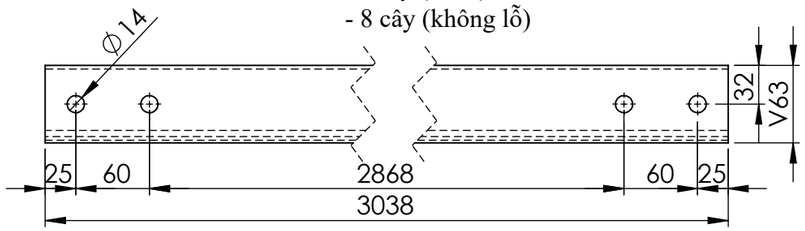
04-3.5 BÍCH LẮP GHÉP - 2
Tole 8 - SL: - 4 Tấm (có lỗ)
- 4 tấm (không lỗ)



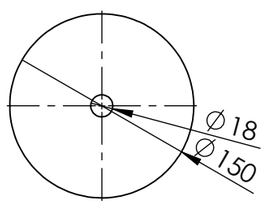
04-3.3 THANH GIẰNG NGANG
V63 - SL: - 6 cây (có lỗ)
- 6 cây (không lỗ)

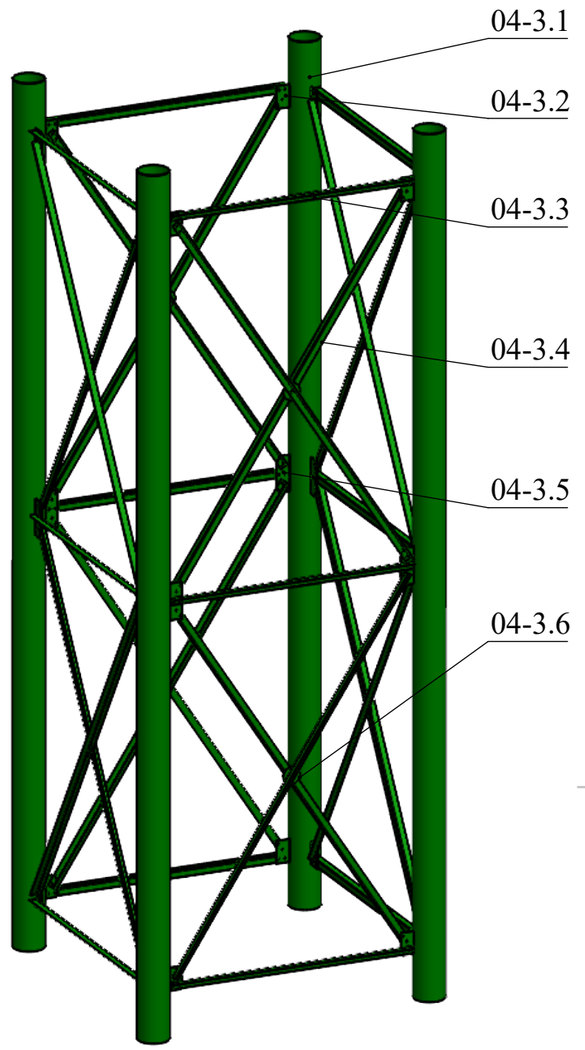


04-3.4 THANH GIẰNG CHÉO
V63 - SL: - 8 cây (có lỗ)
- 8 cây (không lỗ)



04-3.6 BÍCH LIÊN KẾT GIẰNG CHÉO
Tole 8 - SL: - 2 tấm (có lỗ)
- 2 tấm (không lỗ)





04-3.6	Bích liên kết giằng chéo	4	D=150
04-3.5	Bích lắp ghép - 2	8	320x120
04-3.4	Thanh giằng chéo V63	16	L=3038
04-3.3	Thanh giằng ngang V63	12	L=2157
04-3.2	Bích lắp ghép - 1	16	200x120
04-3.1	Chân silo D273	4	L=5500
04-3	CỤM CHÂN LẮP SILO-1	1	
STT	Tên chi tiết	SL	Kích thước

	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	DỰ ÁN:	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TRÍ NHẤT	
Th.kế	P.Q.Cường			SILO XI MĂNG 100 TẤN - D3500		
K.Tra						
KTCN				CHỦ ĐẦU TƯ:	Tờ:	
KTTC					Số tờ:	
Duyệt	N.P.Quốc			Vật liệu:	Khối lượng:	Số lượng: Tỷ lệ: